

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Hồ sơ thiết kế, dự toán trồng rừng thay thế diện tích đã chuyển đổi sang xây dựng Công trình Thủy điện, địa điểm trồng rừng: Tại lâm phần quản lý của Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh;

Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/07/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về định mức kinh tế kỹ thuật trồng, chăm sóc rừng trồng;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/12/2017 của Bộ Xây dựng về công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 11/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao kế hoạch trồng rừng tập trung và trồng rừng thay thế năm 2018 (đợt 1);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo số 904/BC-SNN ngày 04 tháng 5 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ thiết kế, dự toán trồng rừng thay thế diện tích đã chuyển đổi sang xây dựng Công trình Thủy điện, địa điểm trồng rừng: Tại lâm phần quản lý của Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, với các nội dung như sau:

1. Tên công trình, chủ đầu tư, hình thức đầu tư, đơn vị thực hiện
 - Tên công trình: Hồ sơ thiết kế trồng rừng thay thế năm 2018;
 - Chủ quản đầu tư: UBND tỉnh Đắk Nông;
 - Chủ đầu tư: Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung;
 - Đơn vị thực hiện: Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung;



- Hình thức đầu tư: Đầu tư mới.

2. Địa điểm xây dựng công trình

- Lô a, b khoảnh 2; lô a khoảnh 3; lô a, b, c, d, e, g, i, k, j, m, l, f khoảnh 5; lô a, b, c, d, e, f, g, h khoảnh 6; lô a, b, c khoảnh 7; lô a, b, c khoảnh 8 - tiểu khu 1329. Lô a khoảnh 7; lô a, b, c, d, e, f, g khoảnh 9 - tiểu khu 1307 và lô a, b, c, d, e, f, g, h, i, k, j khoảnh 7 - tiểu khu 1313 xã Đức Xuyên, huyện Krông Nô;

- Lô a khoảnh 7; lô a, b, c, d, e, f, g khoảnh 8 - tiểu khu 1294, xã Nam Nung, huyện Krông Nô;

- Lô a, b khoảnh 9 - tiểu khu 1628, xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông thuộc lâm phần quản lý của Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung.

3. Mục tiêu công trình

Nhằm bù lại diện tích rừng đã chuyển đổi sang xây dựng công trình thủy điện, nâng cao độ che phủ rừng, chống tái lấn chiếm sản xuất nông nghiệp của người dân, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự.

4. Nội dung và quy mô

- Nội dung

+ Loài cây trồng: Loài cây trồng được lựa chọn là Sao đen (*Hopea odorata*) và Keo lai (*Acacia hybrid*).

+ Mật độ trồng, phương thức trồng: Căn cứ vào điều kiện tự nhiên khu vực lập dự án, mục tiêu kinh tế, đặc tính sinh thái, sử dụng các phương thức sau:

+ Cây Sao đen và Keo lai: 1.667 Cây/ha. Cứ 03 hàng Sao đen xen 02 hàng Keo lai;

++ Bãg trồng cây Sao đen rộng 9 m bố trí 3 hàng theo cự ly 2m x 3m (hàng cách hàng 3 m, Cây cách cây 2 m), mật độ 1000 cây/ha;

++ Bãg trồng cây keo lai rộng 6 m bố trí 2 hàng theo cự ly 2m x 3m (hàng cách hàng 3 m, Cây cách cây 2 m), mật độ 667 cây/ha;

+ Cây Sao đen thuần loài: 1.111 Cây/ha. Hàng cách hàng: 3 m, cây cách cây: 3m.

+ Biện pháp kỹ thuật chăm sóc rừng trồng: Thực hiện việc chăm sóc rừng trồng trong 04 năm đầu; sau 04 năm chăm sóc rừng trồng tiếp tục nuôi dưỡng, quản lý, bảo vệ và phòng chống cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh theo quy định.

+ Tiêu chuẩn cây giống: Cây giống đưa vào trồng rừng phải đạt tiêu chuẩn theo quy định và phải tuân thủ theo Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp quy định tại Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quy mô:

+ Diện tích thiết kế 68,834 ha; trong đó:

+ Diện tích thiết kế trồng thuần loài cây Sao đen là: 46,132 ha (thực trồng: 40,603 ha; Bãg cản lửa: 5,529 ha).

++ Diện tích thiết kế trồng hỗn giao cây Sao đen và Keo lai là: 22,702 ha (thực trồng: 20,025 ha; Bãg cản lửa: 2,677 ha).

- Hình thức quản lý và thực hiện: Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung chịu trách nhiệm quản lý, thực hiện.

5. Tổng mức đầu tư: Tổng mức đầu tư: 5.440.408.886 đồng; bình quân 01 ha 79.036.651 đồng.

6. Nguồn vốn: Từ nguồn vốn của chủ dự án thủy điện nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Đắk Nông để trồng rừng thay thế.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện:

- Năm 2018: Trồng, chăm sóc năm thứ nhất diện tích 68,834 ha;
- Năm 2019: Chăm sóc năm thứ hai diện tích 68,834 ha;
- Năm 2020: Chăm sóc năm thứ ba diện tích 68,834ha;
- Năm 2021: Chăm sóc năm thứ tư diện tích 68,834 ha;
- Từ năm 2022: Đưa toàn bộ vào nuôi dưỡng và quản lý, bảo vệ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo đúng mục tiêu và tiến độ thực hiện; tuân thủ đúng quy trình, quy phạm và quản lý công trình theo đúng quy định hiện hành.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và giám sát Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung trong quá trình tổ chức thực hiện hồ sơ thiết kế, dự toán trồng rừng.

- Ủy ban nhân dân các huyện: Đắk Glong, Krông Nô có trách nhiệm phối hợp với Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung để xử lý các vướng mắc có liên quan, đặc biệt trong việc xử lý tranh chấp, lấn chiếm đất đai (nếu có).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Đắk Glong, Krông Nô; Giám đốc Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *nr*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NN (Thị).

05

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Thanh Tùng